

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:  
V/v kết quả học bổng từ nguồn tài  
trợ của Tập đoàn Novaland

*Thành phố Hồ Chí Minh,*

Kính gửi: Các cơ sở đào tạo thành viên và trực thuộc.

Căn cứ đề cử của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), Tập đoàn Novaland đồng ý trao 200 suất học bổng, trị giá 5.000.000 đồng/suất cho học sinh, sinh viên ĐHQG-HCM (danh sách đính kèm).

ĐHQG-HCM phối hợp cùng Tập đoàn Novaland tổ chức Lễ trao học bổng vào lúc 13g30, ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường Trần Chí Đáo, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Để chuẩn bị cho Lễ trao học bổng, ĐHQG-HCM kính đề nghị quý đơn vị phối hợp thực hiện các nội dung sau:

- Cử đại diện lãnh đạo đơn vị, cán bộ phụ trách công tác sinh viên tham dự Lễ.
- Thông báo cho các sinh viên được nhận học bổng tham dự đầy đủ (12g30, ngày 12/12/2023), trang phục lịch sự (đồng phục của trường hoặc quần tây/váy đen, áo sơ mi trắng, mang giày có quai hậu); Mang theo CCCD, thư cảm ơn gửi đến Ban Điều hành Quỹ học bổng (mang theo khi dự Lễ).
- Trường Đại học Bách khoa cử 01 sinh viên nhận học bổng đại diện phát biểu cảm ơn tại buổi lễ. Bài phát biểu gửi về ĐHQG-HCM (qua Ban Công tác Sinh viên) trước ngày 09/12/2023.

Thông tin chi tiết về Lễ trao học bổng vui lòng liên hệ cô Diệu Ái, chuyên viên Ban Công tác Sinh viên, email: [dieuai@vnuhcm.edu.vn](mailto:dieuai@vnuhcm.edu.vn), điện thoại: 028.37242181, ext.1353.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- PGĐ Nguyễn Minh Tâm (để báo cáo);
- Quỹ Phát triển ĐHQG-HCM (để p/hợp);
- Lưu: VT, CTSV.

**TL. GIÁM ĐỐC  
KT. TRƯỞNG BAN CTSV  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Minh Huyền Trang**

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG TỪ NGUỒN TÀI TRỢ**  
**CỦA TẬP ĐOÀN NOVALAND NĂM 2023**

(Kèm theo Công văn số /ĐHQG-CTSV ngày tháng 12 năm 2023 của ĐHQG-HCM)

TT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	KHOA/TT/LỚP
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA</b>			
1	Nguyễn Đức Trọng	2010738	Cơ khí
2	Võ Hồng Phương Quyên	2011944	Cơ khí
3	Lê Minh Tuấn	2012337	Cơ khí
4	Nguyễn Thanh Tứ	2012395	Cơ khí
5	Giao Thị Thảo Ly	2013727	Cơ khí
6	Lê Ngọc Thanh Trà	2014809	Cơ khí
7	Đinh Thị Huế Trân	2014818	Cơ khí
8	Nguyễn Ngọc Quốc Việt	2015048	Cơ khí
9	Trần Thảo Nguyên	2110404	Cơ khí
10	Nguyễn Dương Hữu Duyên	2113052	Cơ khí
11	Trần Văn Hiếu	2310984	Cơ khí
12	Đoàn Trung Nhân	2312416	Cơ khí
13	Trương Thị Phương Uyên	2313856	Cơ khí
14	Nguyễn Thúy Đan	2113108	Công nghệ Vật liệu
15	Lê Đình Hoàng	2011227	Điện - Điện tử
16	Dương Đăng Hùng	2011307	Điện - Điện tử
17	Nguyễn Duy Hùng	2011310	Điện - Điện tử
18	Hồ Thái Đại Lợi	2011579	Điện - Điện tử
19	Nguyễn Văn Sơn	2011985	Điện - Điện tử
20	Nguyễn Huy Hoàng	2111242	Điện - Điện tử
21	Nguyễn Phú Cường	2112715	Điện - Điện tử
22	Nguyễn Văn Hiệp	2113383	Điện - Điện tử
23	Hoàng Bảo Ngọc	2114198	Điện - Điện tử
24	Hà Việt Đức	2012987	KH&KT Máy tính
25	Nguyễn Hữu Hưng	2311338	KH&KT Máy tính
26	Đặng Thị Su Ky	2113858	Khoa học Ứng dụng
27	Phan Nguyễn Hồng Phúc	2152247	Khoa học Ứng dụng
28	Nguyễn Anh Hào	2011144	Kỹ thuật Địa chất & Dầu khí
29	Nguyễn Thùy Trang	2014803	Kỹ thuật Địa chất & Dầu khí
30	Ngô Hồng Thuận	2010666	Kỹ thuật Giao thông
31	Nguyễn Lương Tiên Chiến	2012732	Kỹ thuật Giao thông
32	Triệu Thái Đăng	2012969	Kỹ thuật Hóa học
33	Nguyễn Thị Thùy Linh	2013636	Kỹ thuật Hóa học
34	Nguyễn Lâm Anh Thy	2014698	Kỹ thuật Hóa học
35	Đậu Đức Tiến	2014712	Kỹ thuật Hóa học

<b>TT</b>	<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>MSSV</b>	<b>KHOA/TT/LỚP</b>
36	Nguyễn Thị Thanh Trúc	2014901	Kỹ thuật Hóa học
37	Nguyễn Thị Mỹ Chi	2112929	Kỹ thuật Hóa học
38	Hà Hoàng Vũ	2213990	Kỹ thuật Hóa học
39	Trần Lê Thảo Vy	2015123	Môi trường và Tài nguyên
40	Phạm Kim Xuyên	2015133	Môi trường và Tài nguyên
41	Nguyễn Trần Yên Nhi	2011763	Quản lý Công nghiệp
42	Ngô Tuyết Ngân	2212180	Quản lý Công nghiệp
43	Lê Thị Thảo Quyên	2212848	Quản lý Công nghiệp
44	Phan Bảo Khang Huy	2311225	Quản lý Công nghiệp
45	Huỳnh Kim Ngân	2312217	Quản lý Công nghiệp
46	Nguyễn Hoàng Phúc	2112045	Kỹ thuật Xây dựng
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN</b>			
47	Nguyễn Thị Bích Trâm	20120389	Công nghệ thông tin
48	Lê Thị Thuý Vy	19150525	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
49	Nguyễn Thành Phát	22120263	Công nghệ thông tin
50	Nguyễn Thanh Hùng	21140043	Hóa học
51	Ngô Trung Hiếu	22247034	Hóa học
52	Huỳnh Thị Ngọc Phúc	21207195	Điện tử - Viễn thông
53	Lê Võ Minh Phương	22120286	Công nghệ thông tin
54	Nguyễn Hồng Phát	20140341	Hóa học
55	Nguyễn Hoàng Nam	21110459	Toán - Tin học
56	Lê Như Lam	20200244	Điện tử - Viễn thông
57	Lê Võ Yên Nhi	21190119	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
58	Nguyễn Thanh Nhi	21190120	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
59	Huỳnh Thị Bích Hà	20140254	Hóa học
60	Hồ Minh Nhựt	20250047	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
61	Dương Anh Lộc	20170125	Môi trường
62	Nguyễn Trúc Linh	20150004	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
63	Võ Duy Nghĩa	22280060	Toán - Tin học
64	Phạm Ngọc Bảo Uyên	22120424	Công nghệ thông tin
65	Lâm Tâm Như	22130134	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
66	Trần Thành Đạt	22110038	Toán - Tin học
67	Đặng Lê Khiêm	22280045	Toán - Tin học
68	Lê Hồng Gấm	20190044	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
69	Nguyễn Thoại Đăng Khoa	20127043	Công nghệ thông tin
70	Lê Thị Tuyết Nhi	21250087	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
71	Nguyễn Thành Đức	22120070	Công nghệ thông tin
72	Nguyễn Minh Phúc	21140398	Hóa học
73	Lê Thị Thanh Ngân	20140311	Hóa học
74	Nguyễn Hải Đăng	22130029	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
75	Phạm Gia Thịnh	21125064	Công nghệ thông tin

<b>TT</b>	<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>MSSV</b>	<b>KHOA/TT/LỚP</b>
76	Lê Thị Hồng Ngọc	20160018	Địa chất
77	Hồ Quốc Tuấn	21110435	Toán - Tin học
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN</b>			
78	Mai Thu Lâm	2056080080	Địa lý học
79	Phạm Thị Trúc Phương	2056080115	Địa lý học
80	Lê Thị Thiện Minh	2057010197	Ngôn ngữ Anh
81	Lâm Trần Ngọc Dàn	2057040006	Ngôn ngữ Trung Quốc
82	Nguyễn Thị Như Trúc	2056140128	Văn hóa học
83	Nguyễn Ngọc Phương Anh	2156140092	Văn hóa học
84	Trần Nguyễn Tú Chi	2157010214	Ngôn ngữ Anh
85	Nguyễn Minh Anh Thy	2156010109	Văn học
86	Trần Thị Hảo	2156110048	Đông phương học
87	Trần Thị Kim Anh	2256190007	Nhật Bản học
88	Lê Nguyễn Thúy Vy	2057060088	Quan hệ quốc tế
89	Nguyễn Văn Đức	2056180119	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
90	Nguyễn Tiểu Thiệp	2056160076	Tâm lý học
91	Nguyễn Thị Khánh Vân	2156190172	Nhật Bản học
92	Thân Ngọc Mai	2156010188	Văn học
93	Vũ Thùy Trang	2056210127	Quản lý thông tin
94	Nguyễn Kiều My	2056190094	Nhật Bản học
95	Thái Thị Mỹ Trà	2156210146	Quản lý thông tin
96	Phan Trịnh Ngọc Anh	2156270027	Việt Nam học
97	Đặng Thị Thanh Tâm	2156100068	Thông tin – Thư viện
98	Nguyễn Minh Thư	2156270083	Việt Nam học
99	Nguyễn Cao Phương Duyên	2056180113	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
100	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	2056160047	Tâm lý học
101	Nguyễn Bích Thùy	2156270081	Việt Nam học
102	Nguyễn Thị Thanh Bình	2156030014	Báo chí
103	Phan Thế Quyền	2257030066	Ngôn ngữ Pháp
104	Dương Tuyết Ngọc	1957010296	Đông phương học
105	Bùi Thị Hòa	2256090044	Xã hội học
106	Nguyễn Xuân Đại	2056120085	Tâm lý học giáo dục
107	Nguyễn Thị Linh	2156230043	Quản trị văn phòng
108	Trần Thị Thanh Huyền	2056140072	Văn hóa học
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ</b>			
109	Nguyễn Thùy Vy	BEBEIU20162	Kỹ thuật Y sinh
110	Đào Ngọc Thùy Linh	IELSIU19187	Kỹ thuật và Quản lý Công nghiệp
111	Đặng Thị Minh Anh	BABAIU21334	Quản trị Kinh doanh
112	Bùi Gia Phúc	BTBTIU21019	Công nghệ Sinh học
113	Phan Nguyễn Xuân Phúc	ITITIU19042	Công nghệ Thông tin

<b>TT</b>	<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>MSSV</b>	<b>KHOA/TT/LỚP</b>
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>			
114	Đỗ Xuân Trường	21522729	Mạng máy tính & Truyền thông
115	Nguyễn Thị Vân Anh	21520578	Khoa học & Kỹ thuật Thông tin
116	Năng Tiến Thành	22521348	Hệ thống Thông tin
117	Lê Thị Thanh Hằng	21520222	Hệ thống Thông tin
118	Trần Chúc Thiện	21521464	Mạng máy tính & Truyền thông
119	Lê Thị Thu Hiền	21522059	Công nghệ Phần mềm
120	Nguyễn Công Trúc	22521550	Khoa học Máy tính
121	Huỳnh Viết Tuấn Kiệt	20521494	Khoa học Máy tính
122	Võ Chí Trường	20522092	Khoa học & Kỹ thuật Thông tin
123	Lê Tiến Đạt	22520214	Hệ thống Thông tin
124	Nguyễn Thị Mỹ Dung	22520288	Hệ thống Thông tin
125	Nguyễn Thị Thanh Thúy	22521457	Hệ thống Thông tin
126	Phạm Lê Dịu Ái	20520368	Hệ thống Thông tin
127	Đỗ Phạm Phúc Tính	20522020	Khoa học & Kỹ thuật Thông tin
128	Nguyễn Đức Tấn	22521303	Mạng máy tính & Truyền thông
129	Trương Văn Quốc	21521779	Khoa học & Kỹ thuật Thông tin
130	Nguyễn Lê Thanh Hiền	22520418	Kỹ thuật Máy tính
131	Nguyễn Đức Minh Mẫn	22520844	Khoa học & Kỹ thuật Thông tin
132	Nguyễn Hữu Phụng	21522481	Hệ thống Thông tin
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT</b>			
133	Nguyễn Hữu Lộc	K224060791	Hệ thống thông tin
134	Cao Hương Giang	K214110809	Hệ thống thông tin
135	Phạm Lộc Ân	K204061387	Hệ thống thông tin
136	Nguyễn Hữu Phong	K204111785	Hệ thống thông tin
137	Ngô Thị Hồng Hà	K224091143	Kế toán - Kiểm toán
138	Nguyễn Phước Diễm	K214050338	Kế toán - Kiểm toán
139	Nguyễn Thị Ngọc Lý	K214010024	Kinh tế
140	Trần Cẩm Nhung	K214011408	Kinh tế
141	Phan Huỳnh Yên Nhiên	K224081024	Kinh tế đối ngoại
142	Nguyễn Thạch Thảo	K224081033	Kinh tế đối ngoại
143	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	K224020205	Kinh tế đối ngoại
144	Trịnh Minh Nguyệt	K214081831	Kinh tế đối ngoại
145	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	K214021466	Kinh tế đối ngoại
146	Vũ Ngọc Mai	K204080376	Kinh tế đối ngoại
147	Nguyễn Nữ Hiền Thy	K204020991	Kinh tế đối ngoại
148	Trương Văn Hoài Khanh	K225032096	Luật
149	Nguyễn Lê Bảo Hân	K215031115	Luật
150	Trần Nguyễn Cẩm Loan	K205030804	Khoa
151	Phạm Thị Thanh Tùng	K205032171	Luật
152	Nguyễn Phạm Minh Trâm	K225011944	Luật

<b>TT</b>	<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>MSSV</b>	<b>KHOA/TT/LỚP</b>
153	Trần Thị Kim Anh	K204131870	Luật Kinh tế
<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG</b>			
154	Phạm Thanh Hóa	DPM205518	Công nghệ thông tin
155	Nguyễn Thị Hoa Mai	DSU211234	Sư phạm
156	Lê Thị Thùy Linh	DGT220153	Sư phạm
157	Huỳnh Ngọc Thanh Hiền	DGT220134	Sư phạm
158	Đỗ Hoàng Sơn	DVN226399	Du lịch & VHNT
159	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	DTP222863	Nông nghiệp – Tài nguyên thiên nhiên
160	Đặng Văn Nhanh	DNH221867	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
161	Nguyễn Hậu Hữu	DPM225425	Công nghệ thông tin
162	Dương Văn Phúc	DKH224819	KT-CN-MT
163	Trần Thị Hoàng Thương	DTA227547	Ngoại ngữ
164	Lê Thị Cẩm Linh	DKT208560	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
165	Nguyễn Thị Hằng	DNV201025	Sư phạm
166	Huỳnh Nhật Anh	DQT201415	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
167	Nguyễn Hoàng Tường Duy	DSH202704	Nông nghiệp – Tài nguyên thiên nhiên
168	Nguyễn Thị Ngọc Mẫn	DVN206532	Du lịch & VHNT
169	Nguyễn Thị Mỹ Trang	DVN206827	Du lịch & VHNT
170	Nguyễn Thế Hoài	DKT212907	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
171	Huỳnh Thị Thanh	DQT221596	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
172	Nguyễn Thị Bích Ngọc	DQT221567	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
173	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	DTH216278	Công nghệ thông tin
174	Nguyễn Văn Hoàng	DVN219999	Du lịch & VHNT
175	Phạm Quyền Anh	DLU224303	Luật & KHCT
176	Quang Thị Ngọc Liên	DKT202296	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
177	Nguyễn Thanh Vinh	DQT208079	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
178	Lê Thị Mỹ Huyền	DTA207582	Ngoại ngữ
179	Nguyễn Phước Lộc	DKT212931	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
180	Nguyễn Thị Điền Thi	DQT221600	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
181	Lê Chí Hiếu	DTH225642	Công nghệ thông tin
182	Huỳnh Xuân Ý	DTH225798	Công nghệ thông tin
183	Lê Thị Ngọc Chúc	DQT201448	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
184	Nguyễn Thị Kim Tuyền	DGT220271	Sư phạm
<b>KHOA Y</b>			
185	Hồ Nguyễn Minh Thư	207720501039	Răng Hàm Mặt
186	Nguyễn Mỹ Ngọc	17527201044	Y khoa
187	Huỳnh Thị Huỳnh Như	217720101100	Y khoa
188	Đinh Lê Thị Minh Thư	1877201134	Y khoa
189	Võ Hồng Nhung	217720101103	Y khoa

<b>TT</b>	<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>MSSV</b>	<b>KHOA/TT/LỚP</b>
<b>KHOA CHÍNH TRỊ HÀNH CHÍNH</b>			
190	Võ Thị Kim Hậu	21403063	-
191	Trần Lê Hoàng Diễm	22403007	-
192	Nguyễn Thục Phi	21403033	-
<b>PHÂN HIỆU ĐHQG-HCM TẠI TỈNH BẾN TRE</b>			
193	Huỳnh Thị Diễm Ngọc	211101018	Kỹ thuật công nghệ
194	Châu Thế Bảo	211101004	Kỹ thuật công nghệ
195	Bùi Trần Ngọc Phụng		Kỹ thuật công nghệ
<b>TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU</b>			
196	Trần Minh Khôi	-	12 Sinh
197	Trần Lê Thanh Tiến	-	10 Toán 2
198	Phùng Gia Phúc	-	11 TN1
199	Trần Ngọc Bảo Tâm	-	10 Toán - LN
200	Cao Nguyễn Bảo Trân	-	11TN2

*Danh sách này gồm 200 học sinh, sinh viên./.*